

Review 4 lớp 9 trang 82 83 phần Language

1. Draw rising or falling arrows to illustrate the correct tones, (Vẽ những mũi tên lên hoặc xuống để minh họa tông giọng đúng, sau đó nghe và thực hành nói những câu này.)

2. Draw arrows to illustrate the feelings and opinions of A and B. (Vẽ những mũi tên để thể hiện cảm xúc và ý kiến của A và B. Sau đó nghe và lặp lại đoạn đối thoại, chú ý đến tông giọng.)

3. Change the form of the verbs provided to complete the sentences. (hay đổi dạng của những động từ đã cho để hoàn thành câu.)

1. facilitators	2. development(s)	3. training	4. launch
5. experienced	6. attendance	7. evaluators	8. participants

Hướng dẫn dịch

1. Trong tương lai giáo viên sẽ là người hỗ trợ thay vì là người cung cấp kiến thức.
2. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học con người sẽ sớm có thể sinh sống ở hành tinh khác.
3. Để trở thành một thợ sửa máy khéo tay bạn cần đào tạo nghề nghiệp đặc biệt.
4. Việc phóng tàu không gian sáng nay đã được hoãn lại.
5. Ông ấy đã từng là một nhân viên bán hàng dày dặn kinh nghiệm trước khi tự thành lập công ty riêng.
6. Chúng ta sẽ tự có trách nhiệm với việc học tập của mình, giáo viên sẽ không phải điềm danh.
7. Trong khóa đào tạo nghề mỗi học viên sẽ là người tự đánh giá công việc của mình.
8. Có hơn một trăm người tham gia diễn đàn.

4. Complete each sentence with a phrase in the box. (Hoàn thành mỗi câu với một cụm từ trong khung.)

1. work flexitime	2. sense of direction	3. make a bundle	4. burn the midnight oil
5. once in a blue moon	6. The sky's the limit	7. sense of responsibility	8. mountains of work

Hướng dẫn dịch

1. Mẹ tôi chọn làm việc ca linh hoạt thay vì làm giờ hành chính để có nhiều thời gian hơn cho chúng tôi hơn vào buổi sáng.

2. Không có khả năng định hướng tốt, bạn có thể vô dụng khi hoàn toàn thất lạc ở hành tinh mới..
3. Đàn ông đã từng là trụ cột tài chính ở đất nước chúng ta, nhưng ngày nay phụ nữ cũng đi làm và nhiều người còn kiếm được rất nhiều tiền.
4. Những sinh viên này phải làm việc cật lực trước khi trở thành những nhà vật lý thành công.
5. Mọi thứ đã thay đổi! Giáo viên không thường xuyên điếm danh nữa.
6. Có nhiều công việc trong ngành du lịch và ngoại giao cho bạn lựa chọn. Bạn có thể đạt được vô hạn.
7. Học sinh được kỳ vọng thành công hơn nếu chúng có trách nhiệm với việc học tập của mình hơn.
8. Trong thế giới hiện đại, phụ nữ có cả núi việc cả ở nhà và đi làm.

5. Put the verbs in brackets into the infinitive or -ing form. (Đặt động từ không ngoặc ở dạng V-ing hoặc to V)

1. eating	2. to play	3. to work/working	4. to be
5. doing	6. to share	7. floating	8. checking

Hướng dẫn dịch

1. Các phi hành gia tránh loại thức ăn nào?
2. Phụ nữ sẽ đóng vai trò nào trong tương lai?
3. Cô ấy bắt đầu làm việc như là một nhà sinh học cách đây 3 năm
4. Học sinh có xu hướng có trách nhiệm hơn với việc học của chúng
5. Đàn ông không còn ngại làm việc nhà nữa
6. Phụ nữ nỗ lực chia sẻ gánh nặng tài chính với chồng của họ
7. Các nhà phi hành gia chưa bao giờ quên việc bay lơ lửng trong môi trường không trọng lực
8. Anh ấy ngừng điếm danh vì học sinh của anh ấy đang rất chăm chỉ

6. Rewrite the pairs of sentences as one sentence using (Viết lại những cặp câu và một câu sử dụng mệnh đề quan hệ xác định hoặc không xác định.)

1. My grandfather, who has been retired for ten years now, used to be an astronaut.
2. The spacecraft which/that took Yuri Gagarin into space is called Vostok 3KA.
3. She likes the career which/that her father pursued all his life.
4. He admires the teacher who initiated building the school library.
5. I work for a man whose farm covers thousands of acres.

6. Students will have to make their own learning decisions, which will be hard for many of them.

7. Choose the most suitable expression to complete each of (Chọn cách thể hiện phù hợp nhất để hoàn thành mỗi đoạn đối thoại ngắn.)

1. No worries	2. I am not so sure about that	3. That's not entirely true	4. Cool	5. Sounds interesting.
---------------	--------------------------------	-----------------------------	---------	------------------------

Review 4 lớp 9 trang 84 85 phần Skill

1a. Read the text and match the headings with the (Đọc bài đọc và nối với những tiêu đề với đoạn văn phù hợp.)

1.C	2.A	3.D	4.
-----	-----	-----	----

Hướng dẫn dịch

1. Tôi chưa bao giờ có ý tưởng về việc tập huấn cho các phi hành gia NASA bao nhiêu tiền cho đến khi tôi đọc một tạp chí mô tả những yêu cầu công việc của họ và nhiệm vụ của họ.
2. Các phi hành gia cần có bằng cấp cao từ các học việc danh tiếng ngành kỹ sư, khoa học sinh học, vật lý học hoặc toán. Họ cũng phải vượt qua bài kiểm tra thể lực cũng nghiêm ngặt như trong quân đội.
3. Các phi hành gia được yêu cầu hoàn thành chương trình tập huấn đặc biệt, thường kéo dài khoảng hai năm, trước khi họ được phép bay trong không gian. Trong chuyến bay đầu tiên, họ phải bay với các phi hành gia cực kỳ có kinh nghiệm trong các chuyến bay.
4. Trong lúc đang ở trong không gian, họ phải được chuẩn bị để sửa chữa tàu không gian hoặc trạm không gian, không phải là một công việc dễ dàng. Những sửa chữa bên ngoài, bao gồm rời khỏi tàu trong bộ trang phục bay và đi bộ đến khu vực có vấn đề, có thể rất khó khăn. Các phi hành gia cũng phải nghiên cứu trong không gian. Họ làm thí nghiệm cùng với các nhà khoa học ở Trái Đất, người cố vấn cho họ cách giải quyết những thử thách nghiên cứu không gian.

b. Read the text again and decide whether the statements (Đọc lại bài đọc và quyết định những câu sau là đúng hay sai.)

1.T	2.F	3.F	4.F
-----	-----	-----	-----

Hướng dẫn dịch

1. Các phi hành gia của NASA rất tài giỏi.
2. NASA không có yêu cầu đặc biệt về thể chất.
3. Các phi hành gia được phép bay một mình sau hai năm huấn luyện đặc biệt.
4. Các nhà khoa học và phi hành gia di chuyển cùng nhau đến khu vực có vấn đề để sửa chữa.

5. Các phi hành gia cố vấn các nhà khoa học ở Trái Đất cách giải quyết những thử thách trong nghiên cứu không gian.

2. **Choose a dream job you would like to do. Say why** (*Chọn một công việc mơ ước mà bạn muốn làm. Nói tại sao bạn mơ ước công việc đó.*)

Gợi ý:

I want to be a tour guider in the future. It has been my dream job since I was 10. I love this job because I'm really into travelling and exploring new places, meeting new people and experiencing exotic culture not only nationally but also all over the world. Despite tour guider is a busy and difficult job, you still want to pursue it in the future.

3a. **Listen to the interview and answer the questions.** (*Nghe bài phỏng vấn và trả lời những câu hỏi.*)

1. What job does Jane want to apply for?

⇒ A hotel receptionist.

2. How long is the trial period?

⇒ Two weeks.

b. **Listen again and complete the sentences.** (*Nghe lại và hoàn thành câu.*)

1. sociable	2. dealing with	3. telephone manner	4. experience	5. night shifts
-------------	-----------------	---------------------	---------------	-----------------

Nội dung bài nghe:

Interviewer: Good afternoon.

Jane: Good afternoon.

Interviewer: Please take a seat. Did you find our office easily?

Jane: Yes, I didn't have any problems.

Interviewer: Right. Well, I can see from CV that you are sociable and you like meeting people.

Jane: Yes, I'm a very outgoing person.

Interviewer: Well, that's exactly the kind of person our hotel needs to work at the reception desk. Why do you think you are capable of doing the job well?

Jane: I'm confident dealing with different types of people. I also have a good telephone manner, so telephone work is one of my strengths. I believe I can do this work well since I have some experience as a school receptionist, as you can see from my CV.

Interviewer: That's great. As you know, our hotel needs someone to work shifts. Are you willing to work night shifts?

Jane: I think I can manage it.

Interviewer: Right, then. Shall we give you a trial period of say... two weeks?

Jane: That's fine. Thank you!

Hướng dẫn dịch:

Người phỏng vấn: Chào buổi chiều.

Jane: Chào buổi chiều.

Người phỏng vấn: Vui lòng ngồi. Bạn có tìm thấy văn phòng của chúng tôi một cách dễ dàng?

Jane: Vâng, tôi không có vấn đề gì.

Người phỏng vấn: Được rồi. Vậy, tôi có thể thấy từ CV rằng bạn là người hòa đồng và bạn thích gặp gỡ mọi người.

Jane: Vâng, tôi là người như vậy.

Người phỏng vấn: Vâng, đó chính xác là người mà khách sạn của chúng tôi cần làm tại bàn lễ tân. Tại sao bạn nghĩ bạn có khả năng làm tốt công việc?

Jane: Tôi tự tin ứng xử với nhiều loại người khác nhau. Tôi cũng là một tổng đài viên tốt, do đó, điện thoại làm việc là một trong những điểm mạnh của tôi. Tôi tin rằng tôi có thể làm việc này tốt kể từ khi tôi có một số kinh nghiệm như một nhân viên tiếp tân trường, như bạn có thể nhìn thấy từ CV của tôi.

Người phỏng vấn: Thật tuyệt. Như bạn đã biết, khách sạn của chúng tôi cần ai đó làm việc thay thế. Bạn có muốn làm việc ca đêm không?

Jane: Tôi nghĩ tôi có thể làm được.

Người phỏng vấn: Đúng rồi. Chúng tôi sẽ cho bạn một khoảng thời gian thử việc ... hai tuần?

Jane: Không sao đâu. Cảm ơn bạn!

4. Over time, the popularity of different jobs may change. In your opinion, what job will be the most popular in the next 10 years? (Theo thời gian sự phổ biến của những công việc khác nhau có thể thay đổi. Theo ý kiến của bạn, công việc nào phổ biến nhất trong 10 năm nữa?)

Write a paragraph of about 120 words to(Viết 1 đoạn văn khoảng 120 từ để trình bày ý kiến của bạn. Nhớ thảo luận tại sao bạn nghĩ vậy.)

Đoạn văn dài:

I think one of the most popular jobs in the future can be astronaut, the "driver" of expensive spacecrafts. The first reason is many people are dreaming of flying into the space and are willing to pay for such "trips" if the costs are not as high as they are now. In fact, this kind of space travel has attracted many world's travel agencies to exploit, so hopefully it will be much cheaper to follow such journey. This also means the demand for spacecraft drivers will be increasing. Secondly, astronauts will certainly be able to make a bundle and the opportunities for this job will be much higher. Moreover, those astronauts will also have

many chances to travel between planets, and enjoy the spectacular views from outside the Earth. In short, because of the increasing demand for space travelling, the opportunities to earn money and the interesting nature of the job, this job will likely be a favourite job for many people in very near future.

Đoạn văn ngắn:

From my perspective, in the next 10 years, marketing will be developing rapidly and jobs in marketing and advertising field will be more and more popular. Additionally, in the future, people will concern more about healthy food and organic food. Therefore, high-technology agriculture that produces clean, fresh and good-for-health food will offer a vast amount of jobs for the labour market.